

Thực trạng an ninh con người ở Thái Lan và những gợi mở đối với Việt Nam

Nguyễn Quế Thương

Viện Nghiên cứu châu Á - Thái Bình Dương, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội
Việt Nam

10:28, ngày 07-07-2026

TCCS - An ninh là nền tảng quan trọng cho sự tồn vong, an toàn và tiến bộ của quốc gia, cho sự thịnh vượng và an sinh của người dân. Trong bối cảnh hiện nay, Chính phủ Thái Lan nhận định, vấn đề an ninh quốc gia cần được hiểu một cách toàn diện hơn, không chỉ là các vấn đề an ninh chính trị, quân sự truyền thống, mà còn bao quát cả những vấn đề an ninh phi truyền thống nói chung, đặc biệt là an ninh con người nói riêng. Chính phủ Thái Lan dành sự quan tâm, coi trọng và đề cập tới “an ninh con người” trong nhiều chính sách phát triển quốc gia. Kinh nghiệm của Thái Lan về vấn đề này là những gợi mở quý cho Việt Nam.

Định nghĩa về "an ninh con người" theo Kế hoạch phát triển xã hội và phúc lợi quốc gia lần thứ tư (2002 - 2006) của Thái Lan đề cập đến việc công dân được bảo đảm các quyền, sự an toàn và nhu cầu cơ bản, được sống trong xã hội một cách có phẩm giá, thoát khỏi đói nghèo, hướng tới hạnh phúc, cũng như có cơ hội bình đẳng để phát triển tiềm năng của mình⁽¹⁾. Có thể xem xét việc bảo đảm an ninh con người của Thái Lan trên 4 khía cạnh cốt lõi: Kinh tế, lương thực, sức khỏe, môi trường.

Tăng trưởng kinh tế cần gắn liền với bảo đảm an sinh xã hội

An ninh kinh tế là một trong những trụ cột quan trọng của an ninh con người tại Thái Lan, phản ánh khả năng của người dân trong việc tiếp cận nguồn thu nhập ổn định, việc làm bền vững và cơ hội phát triển kinh tế - xã hội. Trong bối cảnh Thái Lan là nền kinh tế có quy mô lớn thứ hai ở Đông Nam Á, quốc gia này đạt được nhiều thành tựu đáng kể về tăng trưởng kinh tế, song vẫn tồn tại những thách thức ảnh hưởng trực tiếp đến an ninh kinh tế của người dân.

Thái Lan là một trong những nền kinh tế phát triển nhanh nhất ở Đông Nam Á trong vài thập niên qua. Từ một nước chủ yếu dựa vào nông nghiệp, Thái Lan đã từng bước chuyển đổi cơ cấu kinh tế, tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, đồng thời hiện đại hóa nền kinh tế để hội nhập sâu rộng với kinh tế toàn cầu. Quá trình này không chỉ thúc đẩy tăng trưởng GDP, mà còn cải thiện đời sống xã hội, nâng cao trình độ công nghiệp và quản lý kinh tế.

Xuất khẩu đóng vai trò trung tâm trong tăng trưởng kinh tế Thái Lan. Khoảng 60% GDP Thái Lan dựa vào xuất khẩu, đặc biệt là hàng công nghiệp chế tạo, ô tô, điện tử, nông sản và dệt may. Hàng hóa công nghiệp chiếm khoảng 45 - 50% tổng kim ngạch xuất khẩu, trong đó, ô tô, phụ tùng ô tô, điện tử, máy móc là

những mặt hàng chủ lực. Nông sản như gạo, cao su, hải sản, trái cây nhiệt đới vẫn giữ vai trò quan trọng, chiếm khoảng 10 - 15% kim ngạch xuất khẩu. Dệt may chủ yếu xuất khẩu sang Mỹ và EU vẫn ổn định, chiếm 5 - 6% tổng giá trị xuất khẩu.

Nhìn chung, xuất nhập khẩu hàng hóa của Thái Lan vẫn tăng từ năm 2020 đến năm 2024. Xuất khẩu tăng nhưng không tăng quá mạnh, nhập khẩu tăng mạnh hơn ở một số năm. Vào các năm 2022 và 2024, nhập khẩu vượt xuất khẩu cho thấy, do nền kinh tế Thái Lan đang tăng đầu tư sản xuất, tiêu dùng nội địa và nhập khẩu thiết bị, phụ kiện nhiều hơn. Điều này cũng thể hiện cân bằng thương mại hàng hóa có phần thâm hụt; có thể đặt áp lực lên tỷ giá, cán cân thanh toán quốc tế.

Ngoài ra, việc nâng cấp hạ tầng và thu hút đầu tư nước ngoài cũng là một điểm sáng trong thành tựu kinh tế Thái Lan. Trong 9 tháng đầu năm 2024, vốn đầu tư nước ngoài tại Thái Lan tăng tới 42% so với cùng kỳ năm trước, đạt khoảng 722,5 tỷ baht. Hệ thống hạ tầng (đường sắt, sân bay, logistics) trong khu vực được đầu tư mạnh mẽ, mỗi năm bổ sung khoảng 400 tỷ baht vào GDP qua các công trình hạ tầng⁽²⁾.

Như vậy, trước năm 2010, tỷ lệ tăng trưởng GDP của Thái Lan trung bình khoảng 4 - 6%/năm. Thời gian này, Thái Lan không chỉ xuất khẩu nông sản, mà trở thành trung tâm sản xuất ô tô, điện tử, đồ gỗ, thu hút FDI. Tỷ lệ nghèo giảm đáng kể, từ khoảng 40% vào trước năm 2000 xuống còn dưới 10% hiện nay⁽³⁾. Tuy nhiên, trong thập niên vừa qua, Thái Lan duy trì tốc độ tăng trưởng GDP trung bình chỉ khoảng 2,7 - 3,5%/năm, do chịu tác động mạnh từ các yếu tố toàn cầu, như đại dịch COVID-19, xung đột địa chính trị và biến động chuỗi cung ứng. Giai đoạn 2023 - 2025, kinh tế Thái Lan phục hồi chậm. Theo Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF, 2024), tốc độ tăng trưởng GDP thực của Thái Lan đạt khoảng 2,7% năm 2024 và dự kiến 2,9% năm 2025, thấp hơn mức trung bình của ASEAN (khoảng 4,5 - 5%)⁽⁴⁾. Nguyên nhân chính là do nhu cầu toàn cầu suy yếu ảnh hưởng đến xuất khẩu, đầu tư tư nhân trì trệ và sự phụ thuộc quá lớn vào ngành du lịch (chiếm hơn 12% GDP). Dù lượng khách quốc tế đã đạt khoảng 35 triệu lượt năm 2024, tương đương 90% mức trước dịch, nhưng tốc độ lan tỏa của ngành này vẫn còn hạn chế.

Có thể thấy, sự ổn định kinh tế của Thái Lan đang được cải thiện nhờ sự phục hồi của ngành du lịch và xuất khẩu. Tuy nhiên, vẫn còn những thách thức nội tại, chẳng hạn, nợ hộ gia đình cao, phân phối thu nhập bất bình đẳng và vấn đề già hóa dân số; các yếu tố bên ngoài như biến động kinh tế toàn cầu, chính sách thuế của Hoa Kỳ và cạnh tranh kinh tế, vẫn là những rủi ro cần được theo dõi...

Như vậy, bảo đảm an ninh kinh tế cần được tiếp cận theo hướng bao trùm và bền vững. Trường hợp Thái Lan cho thấy, tăng trưởng kinh tế nếu không đi kèm với giảm bất bình đẳng và mở rộng hệ thống an sinh xã hội sẽ khó chuyển hóa thành an ninh con người thực chất. Đối với Việt Nam, điều này đặt ra yêu cầu tiếp tục hoàn thiện các chính sách bảo vệ nhóm lao động phi chính thức, thu hẹp

chênh lệch thu nhập giữa các vùng miền và nâng cao khả năng thích ứng của người lao động trước các cú sốc kinh tế. Do đó, an ninh kinh tế không chỉ gắn với chỉ tiêu tăng trưởng, mà còn gắn với năng lực bảo vệ sinh kế và ổn định xã hội trong dài hạn.

Tái cơ cấu nông nghiệp theo hướng thích ứng khí hậu

An ninh lương thực là một trong những trụ cột quan trọng bảo đảm an ninh con người, bởi nó phản ánh khả năng của người dân trong việc tiếp cận nguồn thực phẩm đầy đủ, an toàn và dinh dưỡng. Trong nhiều thập niên qua, Thái Lan đã khẳng định vị thế là một trong những quốc gia đạt nhiều thành tựu nổi bật trong lĩnh vực an ninh lương thực. Từ một nước nông nghiệp truyền thống, Thái Lan từng bước xây dựng được hệ thống sản xuất, quản lý và phân phối lương thực hiện đại, đủ khả năng đáp ứng nhu cầu trong nước, đồng thời trở thành một trong những “Nhà bếp của thế giới”. Những thành tựu này không chỉ thể hiện qua khả năng tự cung lương thực, mà còn ở giá trị xuất khẩu, chất lượng nông sản, nghiên cứu giống và chiến lược bền vững.

Một trong những điểm sáng lớn nhất là khả năng tự túc lương thực của Thái Lan. Với tỷ lệ tự cung vượt trên 100% đối với các mặt hàng chủ lực, như gạo, trứng gà, thịt gà, thịt lợn và tôm nuôi, Thái Lan luôn duy trì lượng sản xuất vượt xa nhu cầu tiêu thụ trong nước. Trong giai đoạn 2020 - 2024, sản lượng gạo trung bình đạt khoảng 30 - 33 triệu tấn mỗi năm, trong khi nhu cầu nội địa chỉ khoảng 11 triệu tấn⁽⁵⁾. Tương tự, sản lượng thịt gà công nghiệp đạt trung bình mỗi năm 3 triệu tấn so với mức tiêu thụ 1,8 - 1,9 triệu tấn⁽⁶⁾. Khả năng sản xuất dồi dào này giúp Thái Lan giữ vững an ninh lương thực, kể cả trong giai đoạn khủng hoảng toàn cầu.

Thành tựu thứ hai phải kể đến là vị thế cường quốc xuất khẩu lương thực. Thái Lan liên tục nằm trong nhóm các quốc gia xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới. Riêng năm 2024, nước này xuất khẩu gần 10 triệu tấn gạo, tăng 13% so với năm trước; giá trị xuất khẩu lên tới 6,43 tỷ USD, tăng 27%. Không chỉ xuất khẩu gạo thô, Thái Lan còn phát triển mạnh các sản phẩm giá trị gia tăng, như bột gạo, mì gạo, bánh gạo, giúp nâng cao giá trị thương hiệu quốc gia. Bên cạnh gạo, các ngành hàng như đường, hải sản, thức ăn chế biến, cũng đóng góp quan trọng vào tăng trưởng xuất khẩu, thể hiện sự đa dạng hóa của ngành lương thực⁽⁷⁾.

Bên cạnh sản xuất, Thái Lan cũng đạt tiến bộ trong giảm nghèo đói lương thực và cải thiện khả năng tiếp cận thực phẩm. Tỷ lệ dân số sống dưới ngưỡng nghèo lương thực đã giảm từ khoảng 7% trước năm 2020 xuống còn 5,6% vào năm 2022⁽⁸⁾. Thứ hạng của nước này trong Chỉ số An ninh lương thực toàn cầu (GFSI) cũng được giữ tương đối ổn định, xếp khoảng 50 - 51/113 quốc gia⁽⁹⁾. Những chuyển biến này cho thấy, các chính sách hỗ trợ xã hội và phân phối thực phẩm đã phát huy hiệu quả.

Một thành tựu đáng chú ý khác là tiến bộ trong nông nghiệp bền vững và

nghiên cứu giống. Thái Lan đã mở rộng diện tích canh tác theo hướng bền vững từ 1,08 triệu rai năm 2017 lên 1,15 triệu rai vào năm 2020 và 1,4 triệu rai vào năm 2023. Việc áp dụng các mô hình nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tự nhiên và nông nghiệp “New Theory” giúp nâng cao chất lượng đất, giảm chi phí và tăng tính ổn định của hệ thống sản xuất. Đặc biệt, hợp tác nghiên cứu giữa Thái Lan và Viện Nghiên cứu lúa quốc tế (IRRI) đã mang lại nhiều giống lúa chất lượng cao, góp phần nâng sản lượng lúa lên khoảng 25 triệu tấn vào năm 2022⁽¹⁰⁾. Đây là nền tảng quan trọng để duy trì an ninh lương thực trong nước và củng cố năng lực xuất khẩu.

Không chỉ chú trọng sản xuất, Thái Lan còn đầu tư mạnh vào quản lý chất lượng và truy xuất nguồn gốc. Hệ thống tiêu chuẩn quốc gia về lúa gạo và cơ chế truy xuất nguồn gốc được triển khai rộng rãi giúp bảo đảm chất lượng từ khâu gieo trồng đến chế biến, qua đó tăng niềm tin của người tiêu dùng quốc tế. Điều này giúp Thái Lan giữ vững thương hiệu gạo chất lượng cao, một trong những lợi thế cạnh tranh lớn nhất của nước này.

Cuối cùng, Thái Lan cũng thể hiện khả năng ứng phó hiệu quả với khủng hoảng lương thực toàn cầu. Trong bối cảnh giá lương thực thế giới biến động và chuỗi cung ứng bị gián đoạn, nước này vẫn duy trì đủ nguồn cung các mặt hàng thiết yếu, như gạo, thịt lợn, trứng và sắn. Thông qua Hội đồng Lương thực quốc gia, Thái Lan đã liên kết các chính sách về sản xuất, thương mại và an ninh quốc gia, từ đó biến thách thức thành cơ hội để củng cố vai trò “Nhà bếp của thế giới”.

Nhìn chung, những thành tựu trên cho thấy Thái Lan đã xây dựng được một nền tảng an ninh lương thực vững mạnh, không chỉ đủ sức bảo đảm nhu cầu nội địa, mà còn đóng vai trò quan trọng trong thị trường lương thực toàn cầu. Với sự kết hợp giữa năng lực sản xuất dồi dào, chất lượng cao, chiến lược bền vững và hệ thống quản lý hiệu quả, Thái Lan tiếp tục khẳng định vị thế dẫn đầu trong khu vực và thế giới về an ninh lương thực.

Mặc dù Thái Lan được biết đến như một trong những “vựa lúa” của thế giới và là quốc gia xuất khẩu thực phẩm lớn, tình trạng bất an lương thực vẫn tồn tại ở mức độ nhất định, đặc biệt trong các nhóm dân cư dễ bị tổn thương.

Theo các khảo sát quốc gia gần đây, tỷ lệ người dân Thái Lan trải qua bất an lương thực vẫn ở mức cao. Năm 2021, trong giai đoạn COVID-19, khoảng 28,6% người từ 15 tuổi trở lên được ghi nhận gặp khó khăn trong việc tiếp cận thực phẩm đầy đủ và ổn định⁽¹¹⁾. Bức tranh an ninh lương thực này không phân bố đồng đều trên toàn quốc. Vùng Đông Bắc, khu vực nghèo và kém phát triển hơn, có tỷ lệ người bị bất an lương thực cao hơn rõ rệt so với các vùng khác. Những nhóm dân cư có thu nhập thấp, trình độ học vấn thấp, người trẻ hoặc những người đang gánh khoản nợ lớn cũng dễ bị tổn thương hơn. Đặc biệt, các hộ gia đình có trẻ nhỏ, nhất là dưới 5 tuổi, thường khó bảo đảm được mức dinh dưỡng cần thiết.

Nhìn chung, dù Thái Lan có lợi thế lớn về sản xuất nông nghiệp, an ninh lương thực vẫn là thách thức đáng kể khi xét tới mức độ phân bố không đồng đều và nguy cơ dễ tổn thương trong nhiều nhóm dân cư. Việc cải thiện an ninh lương thực không chỉ là vấn đề cung cấp đủ thực phẩm, mà còn là nâng cao thu nhập, tăng khả năng tiếp cận, giảm bất bình đẳng và cải thiện hiểu biết dinh dưỡng của người dân. Đây sẽ là yếu tố quan trọng để tăng cường an ninh con người một cách toàn diện và bền vững tại Thái Lan.

Như vậy, an ninh lương thực cần được nhìn nhận không chỉ ở khía cạnh sản xuất và xuất khẩu, mà còn ở tính bền vững và khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu. Kinh nghiệm của Thái Lan cho thấy, ngay cả những quốc gia có nền nông nghiệp phát triển cũng dễ bị tổn thương trước các rủi ro môi trường. Đối với Việt Nam, điều này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tái cơ cấu nông nghiệp theo hướng thích ứng khí hậu, ứng dụng khoa học - công nghệ và bảo đảm sinh kế bền vững cho nông dân. Việc gắn kết an ninh lương thực với an sinh xã hội ở khu vực nông thôn sẽ góp phần củng cố nền tảng an ninh con người.

Tiếp tục đầu tư cho y tế công cộng, thu hẹp khoảng cách tiếp cận dịch vụ y tế giữa các nhóm xã hội và vùng miền

An ninh sức khỏe là một trụ cột thiết yếu trong khái niệm an ninh con người, vì nó bảo đảm mỗi cá nhân đều có khả năng tiếp cận dịch vụ y tế cơ bản, được bảo vệ khỏi các mối nguy y tế và không bị sa vào nghèo khó vì chi phí điều trị. Ở Thái Lan, an ninh sức khỏe đã được xây dựng và củng cố qua nhiều thập kỷ, với những thành tựu đáng kể, nhưng cũng đối mặt không ít thách thức lớn trong bối cảnh chuyển đổi kinh tế - xã hội và gánh nặng bệnh tật thay đổi.

Trước hết, về mặt thành tựu, Thái Lan đã đạt được kết quả nổi bật trong việc nâng cao điều kiện y tế cho người dân. Theo dữ liệu của WHO, chi tiêu y tế năm 2021 chiếm khoảng 5,16% GDP ở Thái Lan, năm 2022 chiếm 5,35% GDP và năm 2024 chiếm khoảng 5,4%. Điều này cho thấy một mức chi đáng kể từ nguồn ngân sách quốc gia, giúp duy trì hệ thống y tế công mạnh mẽ. Hệ thống bảo hiểm y tế phổ cập là một trụ cột quan trọng. Thái Lan đã thiết lập ba chương trình bảo hiểm chính, bao gồm: Chương trình cho viên chức nhà nước, Chương trình An sinh xã hội và Chương trình Bao phủ toàn dân (UCS). Nhờ đó, tỷ lệ người dân được bảo vệ y tế rất cao, khoảng 99,5% dân số Thái Lan có “bảo hộ y tế”⁽¹²⁾.

Kết quả của các chính sách này không chỉ là bao phủ, mà còn là chất lượng sức khỏe cộng đồng được nâng lên: Tuổi thọ trung bình tại Thái Lan tăng đáng kể. Theo WHO, Thái Lan có tuổi thọ cao so với nhiều quốc gia thu nhập trung bình, dữ liệu mới nhất tiếp tục khẳng định điều này⁽¹³⁾. Theo đánh giá của OHE, trong giai đoạn 2000 - 2021, tuổi thọ người dân đã tăng từ khoảng 72,3 tuổi lên khoảng 78,7 tuổi. Bên cạnh đó, Thái Lan cũng rất thành công trong việc giảm chi tiêu y tế từ túi người dân (“out-of-pocket payment”). OHE ghi nhận, tỷ lệ này giảm từ 34,2% xuống còn khoảng 9% - một con số rất thấp so với nhiều quốc gia

thu nhập trung bình⁽¹⁴⁾.

Từ góc độ hệ thống y tế, Thái Lan có mạng lưới cơ sở y tế công phủ rộng, bao gồm nhiều bệnh viện công, trạm y tế cơ sở ở cấp xã/phường, giúp bảo đảm tiếp cận y tế ngay ở vùng nông thôn. Việc đầu tư sớm vào y tế cơ bản là một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến thành tựu bảo hiểm y tế toàn dân (UHC) và giảm “chi tiêu thảm họa” y tế cho các hộ gia đình⁽¹⁵⁾.

Mặc dù vậy, không thể bỏ qua thách thức lớn từ các bệnh không lây nhiễm (NCDs), vốn đang chiếm phần áp đảo trong gánh nặng tử vong ở Thái Lan. Theo Văn phòng Ủy ban Sức khỏe quốc gia của Thái Lan, các bệnh không lây nhiễm, như bệnh tim mạch, đột quỵ, ung thư, tiểu đường, bệnh phổi mạn tính, chiếm tới 74% tổng số ca tử vong mỗi năm, tương đương khoảng 400.000 người. Các yếu tố nguy cơ NCD, như hút thuốc, lạm dụng rượu, chế độ ăn không lành mạnh, ít vận động..., vẫn rất phổ biến. Gánh nặng NCD không chỉ ảnh hưởng tới sức khỏe, mà còn là gánh nặng kinh tế, WHO ước tính chi phí liên quan NCD cho xã hội Thái Lan rất cao, lên đến hàng trăm tỷ baht⁽¹⁶⁾. Sự gia tăng NCD dẫn tới nhiều áp lực lên hệ thống y tế: Chi phí điều trị cao, nhu cầu quản lý bệnh mạn tính ngày càng lớn và nhu cầu phòng ngừa cần được ưu tiên hơn.

Một khía cạnh đáng chú ý khác là vai trò của đánh giá công nghệ y tế (HTA) trong hệ thống y tế Thái Lan. Đánh giá công nghệ y tế ngày càng trở thành thành tố trọng yếu trong hoạch định chính sách y tế tại các quốc gia có nguồn lực hạn chế. Thái Lan được xem là một trong những mô hình thành công nhất trong việc thể chế hóa HTA, gắn kết hoạt động đánh giá với ra quyết định công. Trong bối cảnh chi phí y tế ngày càng tăng và công nghệ y sinh học phát triển nhanh chóng, nhiều quốc gia xem HTA như công cụ hỗ trợ quyết định quan trọng, nhằm tối ưu phân bổ nguồn lực công. Thái Lan là một ví dụ điển hình khi HTA trở thành nền tảng của hệ thống UHC. Một trong những ứng dụng nổi bật của HTA là hỗ trợ thiết lập danh mục quyền lợi trong hệ thống bảo hiểm y tế toàn dân, bao gồm lựa chọn thuốc, vắc-xin, dịch vụ cận lâm sàng và can thiệp điều trị. HTA được sử dụng để đánh giá chi phí - hiệu quả, tác động ngân sách và tính công bằng xã hội khi đưa một can thiệp vào gói chi trả công⁽¹⁷⁾.

Hiện nay, Thái Lan đang sử dụng HTA để quyết định chi trả cho các dịch vụ và thuốc đắt tiền trong bảo hiểm y tế công, giúp cân bằng chi phí - lợi ích và bảo đảm sử dụng ngân sách y tế hiệu quả. Sự ứng dụng HTA cho thấy Thái Lan không chỉ mở rộng bao phủ, mà còn quản lý chi phí y tế một cách thông minh nhằm duy trì bền vững hệ thống UHC⁽¹⁸⁾.

Tóm lại, an ninh sức khỏe ở Thái Lan đã được xây dựng trên nền tảng vững chắc: Hệ thống bảo hiểm y tế phổ cập, chi tiêu y tế công hợp lý, kết quả sức khỏe ấn tượng, như tăng tuổi thọ, giảm chi phí từ túi người dân và xây dựng năng lực ứng phó khẩn cấp. Tuy nhiên, Thái Lan đang đứng trước những thách thức lớn liên quan tới bệnh không lây nhiễm, chi phí y tế lâu dài, bất bình đẳng tiếp cận

dịch vụ và rủi ro từ khủng hoảng y tế toàn cầu. Việc triển khai hiệu quả Kế hoạch Hành động quốc gia an ninh y tế (NAPHS), đẩy mạnh phòng ngừa NCD, ưu tiên đánh giá công nghệ y tế và bảo đảm công bằng tiếp cận y tế sẽ là các chiến lược chủ chốt để tăng cường an ninh sức khỏe bền vững cho người dân Thái Lan. Nếu những biện pháp này được thực hiện tốt, Thái Lan không chỉ bảo vệ được sức khỏe công dân, mà còn củng cố an ninh con người, nâng cao chất lượng sống, ổn định xã hội và phát triển bền vững trong dài hạn.

Như vậy, an ninh sức khỏe nổi lên như một thành tố thiết yếu của an ninh con người trong bối cảnh các mối đe dọa phi truyền thống gia tăng. Kinh nghiệm của Thái Lan cho thấy, dù có hệ thống y tế tương đối phát triển, sự chênh lệch trong tiếp cận dịch vụ y tế vẫn làm gia tăng tính dễ tổn thương của một bộ phận dân cư. Đối với Việt Nam, điều này đặt ra yêu cầu tiếp tục đầu tư cho y tế công cộng, đặc biệt là y tế dự phòng và y tế cơ sở, đồng thời thu hẹp khoảng cách tiếp cận dịch vụ y tế giữa các nhóm xã hội và vùng miền. Việc coi an ninh sức khỏe là một bộ phận cấu thành của an ninh quốc gia sẽ góp phần nâng cao năng lực ứng phó với các cú sốc y tế trong tương lai.

Thúc đẩy chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng xanh và bền vững

An ninh môi trường cũng là một trong những trụ cột quan trọng, vì môi trường sống là nền tảng của sức khỏe, sinh kế và sự phát triển bền vững. Trong những năm gần đây, Thái Lan nổi lên như một trong những quốc gia Đông Nam Á có nhiều nỗ lực mạnh mẽ, nhằm bảo đảm an ninh môi trường. Trước áp lực ngày càng gia tăng từ biến đổi khí hậu, ô nhiễm không khí, rác thải nhựa và suy giảm tài nguyên thiên nhiên, Chính phủ Thái Lan triển khai hàng loạt chính sách, chiến lược và mô hình phát triển xanh. Từ năm 2020 đến nay, nhiều thành tựu nổi bật được ghi nhận, góp phần củng cố nền tảng phát triển bền vững và nâng cao chất lượng sống của người dân.

Một trong những thành tựu quan trọng nhất là cam kết mạnh mẽ của Thái Lan trong giảm phát thải khí nhà kính. Chính phủ đã đặt mục tiêu đạt trung hòa các-bon vào năm 2050 và mức phát thải ròng bằng 0 (net-zero) vào năm 2065. Mục tiêu này được cụ thể hóa qua Bản cam kết về khí hậu 5 năm/lần của Thái Lan (NDC) và Chiến lược phát thải thấp dài hạn tham gia vào Công ước khung Liên Hợp Quốc về biến đổi khí hậu (UNFCCC), cho thấy định hướng phát triển xanh rõ ràng và có tính khả thi⁽¹⁹⁾. Những cam kết này không chỉ thể hiện trách nhiệm của Thái Lan với cộng đồng quốc tế, mà còn góp phần giảm thiểu nguy cơ thiên tai, biến đổi khí hậu, một yếu tố quan trọng trong bảo đảm an ninh môi trường.

Bên cạnh đó, Thái Lan tăng mạnh nguồn lực đầu tư cho môi trường. Riêng năm 2021, ngân sách dành cho lĩnh vực này đạt hơn 16 tỷ baht, tăng gần 88% so với năm 2019. Khoản đầu tư được ưu tiên cho bảo tồn rừng, quản lý đa dạng sinh học, phục hồi đất ngập nước và nâng cao năng lực quản lý tài nguyên thiên nhiên. Tổng chỉ tiêu liên quan đa dạng sinh học của Chính phủ Thái Lan trong giai đoạn

2022 - 2024 là 20,8 tỷ baht. Nhờ vậy, hệ thống các khu bảo tồn của Thái Lan tiếp tục được duy trì và mở rộng, chiếm khoảng 22,8% diện tích lãnh thổ, góp phần bảo vệ hệ sinh thái, điều hòa khí hậu và cung cấp các dịch vụ sinh thái thiết yếu cho xã hội⁽²⁰⁾.

Một điểm nhấn quan trọng khác là chính sách quản lý rác thải nhựa. Từ ngày 1-1-2025, Thái Lan chính thức cấm nhập khẩu rác thải nhựa, một quyết định mang tính bước ngoặt nhằm giảm áp lực ô nhiễm. Trước đó, giai đoạn 2018 - 2021, quốc gia này đã tiếp nhận hơn 1,1 triệu tấn phế liệu nhựa, khiến vấn đề xử lý rác trở nên nghiêm trọng. Việc ban hành lệnh cấm không chỉ bảo vệ môi trường, mà còn khuyến khích ngành tái chế trong nước chuyển đổi sang mô hình tuần hoàn, yếu tố cốt lõi của kinh tế xanh⁽²¹⁾.

Song song với các chính sách của Nhà nước, Thái Lan xác định mô hình kinh tế BCG (Bio-Circular-Green Economy) là một chiến lược quốc gia trọng điểm, được Chính phủ công nhận là “vấn đề quốc gia” kể từ năm 2021 và triển khai thông qua Kế hoạch hành động BCG 2021 - 2027 để phát triển kinh tế bền vững. Mô hình này kết hợp ba trụ cột là kinh tế sinh học (bioeconomy), kinh tế tuần hoàn (circular economy) và kinh tế xanh (green economy), sử dụng khoa học - công nghệ để nâng cao giá trị nguồn tài nguyên sinh học, giảm lãng phí và giảm khí thải⁽²²⁾. BCG sẽ tập trung vào 4 ngành ưu tiên (S-curves): Nông - lương thực, y tế - dược, năng lượng - vật liệu và du lịch - sáng tạo, nhằm gia tăng giá trị, tạo việc làm và phân phối thu nhập công bằng hơn⁽²³⁾.

Trong những năm gần đây, Thái Lan cũng chú trọng hơn đến kiểm soát ô nhiễm không khí, đặc biệt là bụi mịn PM2.5 - vấn đề gây ảnh hưởng lớn đến sức khỏe cộng đồng. Dự thảo “Luật Không khí sạch” được xây dựng nhằm tăng cường quản lý phát thải từ giao thông và công nghiệp, hướng tới một khung pháp lý toàn diện để cải thiện chất lượng không khí. Nếu được thông qua, đây sẽ là một bước tiến quan trọng trong việc bảo vệ sức khỏe người dân và củng cố an ninh môi trường đô thị.

Tuy đạt nhiều thành tựu, Thái Lan vẫn đối mặt không ít thách thức. Quốc gia này đang phát triển với nền kinh tế năng động và dân số hơn 70 triệu người. Các vấn đề môi trường đã trở thành thách thức lớn, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của người dân, đặc biệt là những nhóm dễ bị tổn thương. Tốc độ đô thị hóa nhanh, công nghiệp hóa và áp lực từ biến đổi khí hậu đã dẫn đến nhiều vấn đề về môi trường, từ ô nhiễm không khí, ô nhiễm nguồn nước, quản lý rác thải đến thiên tai thường xuyên và suy thoái sinh thái.

Thái Lan có khí hậu nhiệt đới với lượng mưa cao trung bình khoảng 1.700 mm/năm và mạng lưới sông suối lớn với 25 lưu vực sông lớn, nhỏ. Tổng lượng mưa rơi vào các lưu vực này lên tới khoảng 800.000 triệu m³/năm, nhưng phần lớn (khoảng 75%) lượng nước bị mất do bốc hơi, thấm thấu hoặc thoát sang tầng nước ngầm; chỉ khoảng 200.000 triệu m³ được chuyển thành dòng chảy. Ngoài ra,

lượng nước ở Thái Lan phân bố theo mùa (mùa mưa và mùa khô) không đều, do đó, Thái Lan vẫn gặp tình trạng khan hiếm nước tại một số vùng vào thời kỳ khô hạn. Việc phân bổ sử dụng nước ở Thái Lan thường ưu tiên cho sản xuất nông nghiệp, chiếm hơn 77% tổng nhu cầu nước quốc gia. Một phần lớn nước tưới đến từ hệ thống thủy lợi, trong khi phần còn lại phụ thuộc vào mưa tự nhiên. Hơn nữa, việc phụ thuộc quá nhiều vào nguồn nước truyền thống (sông, suối, nước ngầm) càng làm gia tăng áp lực khi nhu cầu nước ngày càng cao⁽²⁴⁾.

Về chất lượng nước, nguồn nước mặt (sông suối) ở Thái Lan cũng đang bị suy thoái chất lượng. Theo báo cáo của WEPA, dựa trên dữ liệu giám sát năm 2019 từ Cục Kiểm soát ô nhiễm Thái Lan, trong 65 nguồn nước lớn, chỉ 2% được đánh giá là rất tốt, 29% tốt, 49% trung bình và 22% xấu. Điều đáng lo là chỉ khoảng 5% nguồn nước đạt tiêu chuẩn cao nhất về chất lượng (theo phân loại của Thái Lan)⁽²⁵⁾. Ngoài ra, việc ô nhiễm hữu cơ từ nông nghiệp (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật), nước thải công nghiệp và nước thải sinh hoạt đã làm giảm đáng kể chất lượng nước ở nhiều lưu vực.

Một thách thức lớn đối với an ninh nguồn nước ở Thái Lan là tính bấp bênh theo mùa và phân bố địa lý rất không đều. Mùa mưa thường mang lại lượng nước rất lớn, nhưng phần lớn lại bị bốc hơi hoặc ngấm xuống lòng đất; dẫn tới mùa khô, tình trạng thiếu hụt nước đáng kể, đặc biệt ở các vùng, như Đông Bắc, miền Nam, nơi trữ lượng hồ chứa và nguồn nước ngầm hạn chế⁽²⁶⁾.

Tóm lại, thực trạng an ninh môi trường ở Thái Lan đang đặt ra những thách thức lớn đối với an ninh con người. Do đó, để bảo đảm an ninh con người bền vững, Thái Lan cần tiếp tục tăng cường chính sách, đầu tư công nghệ, quản lý môi trường hiệu quả và hợp tác quốc tế. Chỉ khi đó, quốc gia này mới có thể bảo vệ được quyền sống, quyền mưu cầu hạnh phúc và sự phát triển lâu dài cho tất cả người dân.

Như vậy, an ninh môi trường cần được coi là một trụ cột trung tâm trong tiếp cận an ninh con người. Thực tiễn Thái Lan cho thấy, ô nhiễm môi trường và các hiện tượng khí hậu cực đoan không chỉ là vấn đề sinh thái, mà còn là mối đe dọa trực tiếp đến sức khỏe, sinh kế và ổn định xã hội. Đối với Việt Nam, điều này đòi hỏi phải tăng cường lồng ghép các mục tiêu bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời thúc đẩy chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng xanh và bền vững, nhằm nâng cao khả năng chống chịu của xã hội trước các rủi ro dài hạn.

Phân tích thực trạng an ninh con người ở Thái Lan cho thấy, mặc dù đạt được những thành tựu đáng kể về tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội, quốc gia này vẫn đối mặt với nhiều thách thức an ninh phi truyền thống mang tính cấu trúc, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng sống và khả năng chống chịu của người dân. Bài học quan trọng rút ra từ trường hợp Thái Lan là sự cần thiết của cách tiếp cận an ninh con người toàn diện và liên ngành. Các trụ cột an ninh kinh tế, lương

thực, môi trường và sức khỏe có mối liên hệ chặt chẽ và tác động qua lại lẫn nhau.

Những kinh nghiệm từ Thái Lan mang lại một số gợi mở quan trọng cho Việt Nam trong quá trình xây dựng và thực thi chiến lược bảo đảm an ninh con người. Theo đó, Việt Nam cần thúc đẩy sự phối hợp chính sách giữa các lĩnh vực, tăng cường sự tham gia của các chủ thể ngoài nhà nước và đẩy mạnh hợp tác khu vực, đặc biệt trong khuôn khổ ASEAN. Cách tiếp cận này không chỉ giúp nâng cao hiệu quả bảo đảm an ninh con người, mà còn đóng góp vào phát triển bền vững quốc gia./.

* Bài viết là sản phẩm của nhiệm vụ khoa học cấp bộ: "An ninh con người ở Thái Lan và Indonesia" do Viện Nghiên cứu châu Á - Thái Bình Dương, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam chủ trì, TS Lê Phương Hoà làm chủ nhiệm

(1) Xem: https://www.m-society.go.th/ewt_news.php?nid=9643

(2) Xem: <https://marketresearchthailand.com/insights/articles/thailand-infrastructure-investment-surge-economic-growth>

(3) Xem: <https://www.indexmundi.com/facts/thailand/indicator/SI.POV.NAHC>

(4) Xem: <https://www.bangkokpost.com/business/general/2909740/imf-sees-thai-gdp-growth-at-2-7-this-year-2-9-in-2025>

(5) Xem: <https://www.nesdc.go.th/>

(6) Xem: <https://siamwaterflame.com/สถานการณ์และแนวโน้ม-ไฟ/>

(7) Thùy Anh: Gạo Thái Lan: Từ nông sản thô đến sản phẩm thương hiệu quốc gia và vị trí cường quốc xuất khẩu gạo; *Báo Thế giới và Việt Nam*, ngày 6-10-2025, <https://baoquocte.vn/gao-thai-lan-tu-nong-san-tho-den-san-pham-thuong-hieu-quoc-gia-va-vi-tri-cuong-quoc-xuat-khau-gao-330064.html>

(8) Xem: <https://tradingeconomics.com/thailand/prevalence-of-undernourishment-percent-of-population-wb-data.html>

(9) Xem: <https://doi.org/10.3389/fsufs.2025.1676641>

(10) Xem: <https://www.ryt9.com/s/oae/3428068>

(11) Xem: Phulkerd S. Thongcharoenchupong N... (2023): *Socio-demographic and geographic disparities of population-level food insecurity during the COVID-19 pandemic in Thailand* (tạm dịch: Sự chênh lệch về đặc điểm kinh tế - xã hội, nhân khẩu học và địa lý trong tình trạng mất an ninh lương thực ở cấp độ dân cư tại Thái Lan trong đại dịch COVID-19), Thai Health Promotion Foundation,

- (12) Xem: Somthanuk Chotichuangchatchai, Jinnapat Suwannaketka,... (2025) *สถานการณ์การเงินการคลังสุขภาพของประเทศไทย* (tạm dịch: Tình hình tài chính và y tế của Thái Lan), Quỹ Phát triển chính sách y tế quốc tế, Viện Nghiên cứu y tế cộng đồng, Bangkok
- (13) Xem: <https://data.who.int/countries/764>
- (14) Xem: <https://www.ohe.org/insights/around-the-world-in-htas-thailand/>
- (15) Xem: Somthanuk Chotichuangchatchai, Jinnapat Suwannaketka,... (2025)..., *tldd*
- (16) Xem: <https://www.nationalhealth.or.th/articles/th/10>
- (17) Xem: Manonick, C. et al. (2019). *Health Technology Assessment in Thailand: Institutionalization and Contribution to Healthcare Decision-Making* (tạm dịch: Đánh giá công nghệ y tế tại Thái Lan: Thể chế hóa và đóng góp vào quá trình ra quyết định trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe). *International Journal of Technology Assessment in Health Care*
- (18) Xem: <https://news.syenza.com/thailands-healthcare-system/>
- (19) Xem: <https://www.onep.go.th/ลดโลกร้อนด้วย-carbon-neutrality-และ-net-zero-emissions/>
- (20) Xem: <https://www.biofin.org/knowledge-product/biodiversity-expenditure-review-2022-2024-thailand>
- (21) Xem: <https://www.greenpeace.org/thailand/press/54338/thai-government-for-banning-plastic-waste-import/>
- (22) Xem: <https://www.bcg.in.th/data-center/articles/bio-circular-green-economy/>
- (23) Xem: https://www.nstda.or.th/home/knowledge_post/bcg-by-nstda/
- (24) Xem: <https://www.dcce.go.th/datacenter/2880/>
- (25) Xem: <https://www.pcd.go.th/waters/ดัชนีคุณภาพน้ำแหล่งน้ำผิวดิน -water-quality-indexwqi/>
- (26) Xem: Eunhee Lee · Benno Böer... (2024) *The Water, Energy, and Food Security Nexus in Asia and the Pacific* (tạm dịch: Mối liên kết an ninh nước, năng lượng và lương thực tại châu Á - Thái Bình Dương), Publisher: Springer Nature Switzerland AG